

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thom.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 25/TB-TA ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Tr, Phường V, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại số 131-1,5 ch, phường Y H, thành phố H, tỉnh Aichi, Nhật Bản. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Khắc Q**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: KDC Ch, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người được chị V ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: 436 Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Khắc Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ch (nay là phường C, thành

phô Ch), tỉnh Hải Dương, ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Anh Q không có trách nhiệm với gia đình khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Thời gian sau này anh chị cùng sang lao động tại Nhật Bản nhưng vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Lê Huyền Tr, sinh ngày 27/01/2014, hiện nay đang ở cùng với anh Q và ông bà nội. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai của anh Lê Khắc Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị V đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với bố mẹ anh tại khu dân cư Ch, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2018 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống và cách chăm sóc, nuôi dạy con cái. Chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có biện pháp để cải thiện quan hệ hôn nhân nên chị V có đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung vợ chồng anh có một con chung như chị V trình bày, hiện đang ở cùng với anh và ông bà nội. Do hiện nay anh đã về Việt Nam sinh sống và làm việc, hàng ngày có bố mẹ anh phụ giúp trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trang, anh nhất trí việc chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung Lê Huyền Tr có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Lê Khắc Q.

Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống và đăng ký kết hôn thể hiện: Anh Lê Khắc Q và chị Trương Thị V kết hôn hợp pháp. Địa phương được biết trong quá trình sinh sống cùng nhau, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù cùng ở nước ngoài nhưng vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay chị V có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trương Thị V, bị đơn anh Lê Khắc Q vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị V ly hôn anh Lê Khắc Q; Về quan hệ nuôi con: Giao con chung Lê Huyền Tr, sinh ngày 27/01/2014 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị V có ký hợp đồng lao động và được cấp thẻ lưu trú ở Nhật Bản. Anh Lê Khắc Q cư trú ở Nhật Bản, trong quá trình giải quyết đã về gia đình ở phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong thời gian nghỉ phép về nước chị V có nộp đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền đồng thời trực tiếp đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương làm việc. Tại phiên tòa, chị V, anh Q vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Lê Khắc Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh (nay là phường C, Thành phố Ch), tỉnh Hải Dương, ngày 06/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau, anh chị mỗi người ở một nơi và không có sự quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy trên thực tế vợ chồng chị V, anh Q đã có mâu thuẫn, anh Q xác định tình cảm không còn và không có biện pháp để cải thiện quan hệ hôn nhân nên cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị V ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Trương Thị V và anh Lê Khắc Q có một con chung là Lê Huyền Tr, sinh ngày 27/01/2014. Xét về thực tế anh Q đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, có công việc và chỗ ở ổn định, con chung có nguyện vọng ở với bố, chị V đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, HĐXX cần giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng cho con là 1.500.000đ/tháng. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị V có căn cứ cho rằng anh Q không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh Q không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trương Thị V** ly hôn anh **Lê Khắc Q**.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Khắc Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Huyền Tr, sinh ngày 27/01/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị V cấp dưỡng cho con chung Lê Huyền Tr số tiền là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Trương Thị V thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp

pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Nguyễn Ngọc Tân đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003617 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Trương Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Khắc Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân